CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***470 109***	***113 484***	***356 625***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**117 299**	**30 642**	**86 657**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***27 226***	***27 089***	***137***			
1		ĐẠM HÀ BẮC	01/11	711/11	11/11	2 TĐ 115	CÁM 4A.1	2 390	2 352	38	02/11	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/11	710/11		HẢI NAM 88	CÁM 5A.10	23 000	22 966	34	02/11	HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		VẬN TẢI THỦY	02/11	2861/11	09/11	BN 2633	CÁM 2A.1	1 836	1 771	65	02/11	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***29 300***	***3 554***	***25 746***			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	01/11	2860/11	10/11	VIỆT THUẬN HN-01	CÁM 5A.1	3 200	2 038	1 162	DỠ	HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	2 400	702	1 698	DỠ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/11	712/11		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 600		22 600		HỘ LỚN	TTCO: 22.600
3		TRƯỜNG ANH 888	01/11	2853/11	07/11	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 100	814	286	DỠ	TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***60 773***		***60 773***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/11	713/11		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 200		29 200		HỘ LỚN	TTCO: 29.200
2		KDT MIỀN BẮC	01/11	2833/10	07/11	NEW GOLD	CÁM 2A.1	25 000		25 000		TD	GIA HẠN L1
3		VẬN TẢI THỦY	01/11	2858/11	07/11	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
4		SX&TM THAN UÔNG BÍ	01/11	2852/11	07/11	BN 2699	CÁM 1	1 963		1 963		TD	
5		DVVTQN	01/11	2854/11	07/11	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
6		XNK ANH KHOA	01/11	2851/11	07/11	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 230		1 230		TD	
7		SX&TM THAN UÔNG BÍ	02/11	2845/11	09/11	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	GIA HẠN L1
	Tàu chuyển tải							**209 800**	**15 000**	**194 800**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***67 200***	***15 000***	***52 200***			
1		KDT MIỀN BẮC	29/10	699/10		VTA POSEIDON	CÁM 5B.10	23 200	11 000	12 200	DỠ	PTCB	TTHG: 23.200
2		XNK THAN	31/10	2842/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000	4 000	40 000	DỠ	TD	KVĐB: 44.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***142 600***		***142 600***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	01/11	714/11		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250		41 250		HỘ LỚN	KDTCP:10.000 CLM: 20.000 KVCP: 11.250

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/11	716/11		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 600		23 600		HỘ LỚN	KDTCP: 6.000 CLM: 8.000 KVCP: 9.600
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/11	717/11		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 KVCP: 4.800
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/11	718/11		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650		28 650		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	02/11	719/11		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 5A.10	26 300		26 300		HỘ LỚN	CLM: 18.000 KVĐB: 8.300
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**25 805**	**5 429**	**20 376**			
	Tàu đã làm hàng							***4 000***	***4 043***	***- 43***			
1		KDT HÀ BẮC	30/10	2825/10	31/10	BN 2728	CÁM 7B	2 500	2 560	- 60	02/11	PTCB	
2		VT & KDT	02/11	2846/10	09/11	NB 8530	CÁM 8A	1 500	1 484	16	02/11	TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***6 081***	***1 386***	***4 695***			
1		HÀNG HẢI VN	23/10	2740/10	30/10	QN 7535	CỤC 1B	1 100	149	951	DỠ	TD	NGUỒN CS
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	01/11	2504/9	07/11	HD2299	CÁM 8A	1 976	230	1 746	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6
3		KDT BẮC TRUNG BỘ	01/11	2767/10	10/11	NB 8308	CÁM 7B	3 005	1 006	1 999	DỠ	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
	Tàu đã làm lệnh							***15 724***		***15 724***			
1		THAN MIỀN TRUNG	01/11	2782/10	07/11	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	NGUỒN ĐN-C6
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	01/11	2783/10	07/11	HD 2225	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
3		XNK VTA	01/11	2850/11	07/11	HD 2333	CỤC XỐ 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
4		DVVTQN	01/11	2856/11	07/11	BN2203	CỤC XỐ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6
5		KS THAN ĐÔNG BẮC	01/11	2579/10	07/11	HY 0802	CÁM 8A	1 928		1 928		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
6		TRƯỜNG ANH 888	01/11	2798/10	07/11	THÀNH NAM 79	CÁM 8A	3 200		3 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
7		TRƯỜNG ANH 888	01/11	2857/10	07/11	QN 8225	CÁM 8A	1 620		1 620		TD	NGUỒN CS
8		THAN SÔNG HỒNG	02/11	2800/10	09/11	QN 8547	CÁM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
9		VIỆT THUẬN 235	27/10	5 514		CỬA ÔNG 05	TNK-LÀO	2 100		2 100		BỐC THAN NK	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**7 020**	**2 374**	**4 646**			
	Tàu đã làm hàng							***2 380***	***2 374***	***6***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	30/10	702/10	08/11	TĐ 01-CHN	CÁM 5B.10	2 380	2 374	6	02/11	HỘ LỚN	
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***4 640***		***4 640***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	31/10	703/10	10/11	TĐ 18-1	CÁM 5B.10	2 326		2 326		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	01/11	715/11	11/11	TB 1716	CÁM 5B.10	2 314		2 314		HỘ LỚN	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**10 985**	**5 619**	**5 366**			
	Tàu đã làm hàng							***1 100***	***1 043***	***57***			
1		SX&TM THAN UÔNG BÍ	30/10	2821/10	31/10	BN 1997	CỤC 1B	1 100	1 043	57	02/11	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***8 685***	***4 576***	***4 109***			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	02/11	2862/11	12/11	HOÀNG GIA 56	CÁM 5A.1	1 715	1 414	301	DỠ	HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	1 370	302	1 068	DỠ		
2		ĐTTM DV - VINACOMIN	30/10	2815/10	31/10	BN 2625	CỤC 1B	650	155	495	DỠ	TD	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	02/11	2863/11	12/11	HẢI ĐĂNG 666	CÁM 5B.1	3 800	2 706	1 094	DỠ	PTCB	
4		ĐTTM DV - VINACOMIN	31/10	2840/10	31/10	BN 1883	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	
	Tàu đã làm lệnh							***1 200***		***1 200***			
1		DVVTQN	02/11	2864/11	09/11	BN 0766	CỤC DON 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**53 000**	**36 760**	**16 240**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***40 000***	***36 760***	***3 240***			
1		INDONESIA	16/10	7241		MV RONG HAI 1	CỤC 5B.2	15 000	13 060	1 940	DỠ		KVĐB: 15.000
2		NHẬT BẢN	26/10	7495		MV ANSHUN	CÁM 3B.1	25 000	23 700	1 300	DỠ		KVCP: 10.000 TTHG: 5.000
	Tàu đã làm lệnh							***13 000***		***13 000***			
1		HÀN QUỐC	27/10	7519		MV XIN LIN HAI 7	CỤC 2B.2	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
2		HÀN QUỐC	27/10	7518		MV YUN QIAN	CỤC 4B.3	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
3		CAMPUCHIA	30/10	7605		MV MINH ANH 03	CỤC 4B.3	3 000		3 000			KVĐB: 3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**46 200**	**17 660**	**28 540**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***46 200***	***17 660***	***28 540***			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		LÀO	28/10	7552		VIỆT THUẬN 235-01	Than Antaracite Lào	18 200	12 500	5 700	DỞ		TTCO: 8.200 KVCP: 10.000
3		MOZAMBIQUE	26/10	7496		MV LYRIC HARMONY	Than xx Mozambique	15 000	5 160	9 840	DỞ		TTCO: 15.000
	Tàu đã làm lệnh												